

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2026/HNGĐ-ST**.
Ngày: 31/3/2026.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Xuân Lâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 601/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2025 về việc về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 71/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Ấp T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lê Quang T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Ấp L, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Ngô Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Lê Quang T1 về chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp) ngày 14/01/2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01/2011. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện. Trong thời gian chung sống, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt tới khuya, chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không nghe dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang T1.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Ngô Tuyết N, sinh ngày 21/10/2013 và cháu Lê Ngô Trung N1, sinh ngày 26/11/2018. Sau khi ly hôn, chị Ngô Thị Ngọc T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu anh Lê Quang Trung cấp D nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và các Quyết định tố tụng khác cho anh Lê Quang T1 nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai của anh T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Ngô Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quang T1, sinh năm 1990; Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của

Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh T1 được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường T, tỉnh Đồng Tháp) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2013, quyển số 01/2011 ngày 14/01/2013 theo đúng quy định tại các điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ. Anh chị đã ly thân khoảng 01 năm nay, từ khi ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay chị kiên quyết ly hôn.

Bị đơn anh T1 đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này cho thấy anh T1 không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân với chị T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh T1 là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Ngô Tuyết N, sinh ngày 21/10/2013 và Lê Ngô Trung N1, sinh ngày 26/11/2018. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tạm thời, không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con.

Do đó, HĐXX xét thấy chị T có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung, từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do chị nuôi dưỡng, các cháu phát triển tốt. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 cũng không có ý kiến về con chung nên yêu cầu của chị T về con chung là có cơ sở để chấp nhận. Xét cần giao cháu Lê Ngô Tuyết N và cháu Lê Ngô Trung N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn anh Lê Quang T1.

1. Về hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lê Quang T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Ngô Tuyết N, sinh ngày 21/10/2013 và Lê Ngô Trung N1, sinh ngày 26/11/2018 cho chị Ngô Thị Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0004630 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Ngọc T, anh Lê Quang T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- UBND phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình